

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2024/HS-ST**

Ngày: 08/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Hà.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Ngọc Bích T; Sinh ngày: 15/10/1983; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 15/7T2 đường THĐ, phường NTB, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ (bị cáo khai cha tên là Nguyễn Ngọc T1 - đã chết) và bà: Lê Thị Nam H (chết); Có chồng: Là ông Phạm Hoàng N (không đăng ký kết hôn) và con: Có 06 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/8/2023.

Nhân thân:

- Ngày 24/4/2013, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 11 tháng 20 ngày kể từ ngày tuyên án về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 38/2013/HSST). Đã thi hành xong án phí ngày 31/7/2014 (Công văn trả lời xác minh số: 1982/CCTHADS-VP ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 17/6/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản». Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 năm tù của Bản án số: 38/2013/HSST ngày 24/4/2013 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản

án là 02 năm tù (Bản án số: 85/2014/HSST). Đã thi hành xong án phí ngày 23/6/2015 (Công văn trả lời xác minh số: 1815/CCTHADS-VP ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 16/01/2019, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản». Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 02 năm tù của Bản án số: 85/2014/HSST ngày 17/6/2014 của Tòa án nhân dân Quận 3. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm tù (Bản án số: 04/2019/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/6/2021 và đã thi hành xong án phí vào tháng 9/2019 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 746/GCN của Trại giam An Phước và Công văn trả lời xác minh số: 3987/CCTHADS ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị Thanh T2; Sinh ngày: 01/10/2004; Thường trú: Ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang; Chỗ ở: A2/17 đường BĐ, ấp A, xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Hộ kinh doanh cửa hàng ĐTĐĐ TP; Địa chỉ: 536 đường BTH, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện Hộ kinh doanh: Bà Lâm Thị N1; Sinh năm: 1979; Thường trú: 690/8 đường BTH, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 536 đường BTH, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Ông Phạm Hoàng N; Sinh năm: 1980; Thường trú: 1C đường LTR, phường BT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 214/C30 đường NT, phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Ông Hà Quốc D; Sinh năm: 1975 và bà Phạm Thị Bích V; Sinh năm: 1978; Cùng trú tại: 704 Lô Y đường ĐVB, Phường J, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Ông Lê Minh Hồng S; Sinh năm: 1984; Trú tại: 1/5 Cư xá TĐ, đường BTH, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

5. Ông Hồ Hoàng N2; Sinh năm: 1982; Trú tại: 201 đường NTĐ, phường BTT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 15/8/2023, Lê Ngọc Bích T điều khiển xe gắn máy biển số 50P3-4989 (nhãn hiệu Honda Lead, màu đỏ đen) đến cửa hàng giày dép MWC, địa chỉ 126 đường HG, Phường F, Quận F mua giày. Khi vào trong cửa hàng, T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T2 (nhân viên bán hàng) cho xem đôi giày tây size 43 và trong lúc chờ bà T2 vào trong lấy đôi giày theo yêu cầu, T đi quan

sát xung quanh thì phát hiện ngăn kéo bàn thu ngân chỉ khép hờ, bên trong ngăn kéo có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này. Để thực hiện ý định, T tiến lại gần bàn thu ngân dùng tay trái lấy chiếc điện thoại ra để vào góc bàn thu ngân, dùng tay phải đóng ngăn kéo bàn thu ngân lại, rồi bước ra ngoài tiếp tục quan sát. Lúc này, bà T2 lấy đôi giày size 43 đưa cho T xem, T không vừa ý nên trả lại. Lợi dụng lúc bà T2 đang lấy giày cho một cặp nam nữ và một cháu bé mới vào xem, T quay lại bàn thu ngân lấy chiếc điện thoại để ở góc bàn giấu vào trong túi áo khoác bên trái, xong bước ra ngoài lấy xe taxi thoát. Sau đó, T đem chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng điện thoại TP, địa chỉ 536 đường BTH, Phường N, Quận J bán cho bà Lâm Thị N1 lấy 6.500.000 đồng tiêu xài.

Về phía bà T2, sau khi phát hiện thấy mất chiếc điện thoại đã kiểm tra Camera ghi hình thì phát hiện T chính là người đã lấy trộm điện thoại, nên đến Công an Phường 6, Quận 6 trình báo.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 bắt giữ Lê Ngọc Bích T. Qua đấu tranh, T khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Quá trình điều tra, bà Lâm Thị N1 đã giao nộp lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, dung lượng 128Gb cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 78/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 8 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, dung lượng 128Gb, số Imei: 356712113620728, số seri: F2LDJD370D41 (tình trạng sử dụng còn khoảng 90%) tại thời điểm ngày 15/8/2023 là: 12.500.000 đồng.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 128/QĐ-ĐTTH); khởi tố bị can đối với Lê Ngọc Bích T về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 133/QĐ-ĐTTH).

Đối với bà Lâm Thị N1, là người có hành vi mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, dung lượng 128Gb từ Lê Ngọc Bích T, nhưng bà N1 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 103/CT-VKS-Q6 ngày 27 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Ngọc Bích T về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Ngọc Bích T khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng của bà Nguyễn Thị Thanh T2 tại cửa hàng giày dép MWC, địa chỉ 126 đường HG, Phường F, Quận F khoảng 13 giờ ngày 15/8/2023 như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Ngọc Bích T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Ngọc Bích T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc bị cáo Lê Ngọc Bích T nộp lại 5.050.000 đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Thị Thanh T2 không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy có số khung: RLHJF24049Y082578, số máy: JF24E-0097135 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Lead, sơn màu Đỏ, dung tích 108) và số tiền 1.450.000 đồng.

Tịch thu, tiêu hủy 01 cặp bao tay bằng vải màu xanh và 01 biển số xe 50P3-4989 giả.

Trả lại bị cáo Lê Ngọc Bích T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng, số Imei: 358800082607582.

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc Lê Ngọc Bích T lấy trộm tài sản tại cửa hàng giày dép MWC, địa chỉ 126 đường HG, Phường F, Quận F vào ngày 15/8/2023) do bà Nguyễn Thị Thanh T2 cung cấp và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai, hỏi cung Lê Ngọc Bích T), đều đã được niêm phong (BL180, 181), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lê Ngọc Bích T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lê Ngọc Bích T tại phiên tòa với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Khám nghiệm hiện trường ngày 17/8/2023 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 78/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Nguyễn Thị Thanh T2, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lâm Thị N1 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Ngọc Bích T đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo Lê Ngọc Bích T đã lợi dụng sự sơ hở của bà Nguyễn Thị Thanh T2, lén lút chiếm đoạt của bà T2 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, dung lượng 128Gb, số Imei: 356712113620728, số seri: F2LDJD370D41 trị giá 12.500.000 đồng tại cửa hàng bán giày dép MWC, địa chỉ 126 đường HG, Phường F, Quận F vào khoảng 13 giờ ngày 15/8/2023. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Ngọc Bích T là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về nhân thân của bị cáo Lê Ngọc Bích T: Bị cáo có nhân thân rất xấu, đó là ngày 24/4/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 11 tháng 20 ngày kể từ ngày tuyên án về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 17/6/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 01 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản». Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 năm tù của bản án ngày 24/4/2013 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm tù; ngày 16/01/2019, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản». Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 02 năm tù của bản án ngày 17/6/2014 của Tòa án nhân dân Quận 3. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm tù. Cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo

dục nhiều lần, bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Chứng tỏ bị cáo là người hết sức xem thường pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc Bích T tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Lê Ngọc Bích T còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra đã xử lý trả chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, dung lượng 128Gb, số Imei: 356712113620728, số seri: F2LDJD370D41 cho bà Nguyễn Thị Thanh T2. Tại phiên tòa, bà T2 vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra bà T2 không yêu cầu bồi thường (theo Biên bản ghi lời khai và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 13/9/2023 - BL88, 139), do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 01 cặp bao tay bằng vải màu xanh, là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với chiếc xe gắn máy biển số xe 50P3-4989 thu giữ của bị cáo Lê Ngọc Bích T. Bị cáo khai chiếc xe này có biển số thật là 54N3-6945, của ông Phạm Hoàng N (chồng cũ của bị cáo) mua cho bị cáo. Ngày 15/8/2023, bị cáo đến đường NQC, Quận A mua biển số xe 50P3-4989 gắn vào sử dụng để tránh bị phát hiện khi thực hiện hành vi phạm tội. Còn biển số thật là 54N3-6945, bị cáo để trong cốp xe. Theo Kết luận giám định số: 5403/KL-KTHS ngày 04/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL129) và Phiếu trả lời xác minh ngày 14/5/2023 của Công an Quận 6 (BL27) thì chiếc xe này có biển số 54N3-6945, số khung: RLHJF24049Y082578, số máy: JF24E-0097135 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Lead, sơn màu Đỏ, dung tích

108), do ông Lê Minh Hồng S đứng tên chủ xe. Quá trình điều tra, ông Phạm Hoàng N khai mua chiếc xe biển số 54N3-6945 từ vợ chồng ông Hà Quốc D và bà Phạm Thị Bích V với giá 17.000.000 đồng. Sau đó ông N đã cho Lê Ngọc Bích T chiếc xe này để sử dụng làm phương tiện đưa rước con đi học. Việc T thay biển số giả ông N hoàn toàn không biết và ông xác nhận không có quyền lợi gì đối với chiếc xe này (theo Biên bản ghi lời khai ngày 28/10/2023 của Công an Quận 6 - BL97). Ông D, bà V khai mua chiếc xe biển số 54N3-6945 từ ông Lê Minh Hồng S vào ngày 25/3/2015 (có làm Hợp đồng ủy quyền được Công chứng viên Phòng công chứng Sài Gòn chứng thực). Sau khi mua xe, ông D, bà V đã bán lại cho ông Phạm Hoàng N và ông D, bà V cũng xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/3/2015, hai Biên bản ghi lời khai cùng ngày 05/01/2024 của Công an Quận 6). Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy nói trên là tài sản hợp pháp của bị cáo Lê Ngọc Bích T và ngày 15/8/2023, bị cáo đã sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Riêng biển số xe 50P3-4989, theo Kết luận giám định số: 9851/KL-KTHS ngày 27/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL127) là biển số giả, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.4] Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng, số Imei: 358800082607582 thu giữ của bị cáo Lê Ngọc Bích T. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo vì không đủ căn cứ xác định do bị cáo phạm tội mà có hay bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 83/PNK ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 94/QĐ-VKS-Q6 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8.5] Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc Lê Ngọc Bích T lấy trộm tài sản tại cửa hàng giày dép MWC, địa chỉ 126 đường HG, Phường F, Quận F vào ngày 15/8/2023) do bà Nguyễn Thị Thanh T2 cung cấp và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai, hỏi cung Lê Ngọc Bích T), đều đã được niêm phong (BL180, 181), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với bà Lâm Thị N1, Viện kiểm sát xác định bà N1 không biết rõ chiếc điện thoại di động mà bà mua từ bị cáo Lê Ngọc Bích T là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc Bích T khai sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, dung lượng 128Gb của bà Nguyễn Thị Thanh T2, bị cáo đem đến cửa hàng ĐTDĐ TP bán cho bà Lâm Thị N1 (chủ cửa hàng) với giá 6.500.000 đồng (Cơ quan điều tra thu giữ 1.450.000 đồng, còn 5.050.000 đồng bị cáo đã tiêu xài). Quá trình điều tra, bà N1 đã giao nộp lại chiếc điện thoại trên để trả cho bị hại và mặc dù, bà N1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại cho cửa hàng điện thoại số tiền mà phía cửa hàng đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại từ bị cáo (theo Biên bản ghi lời khai ngày 26/10/2023 của Công an Quận 6 - BL92), nhưng xét đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại 5.050.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước, đồng thời tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.450.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc Bích T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc Bích T** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2023.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Lê Ngọc Bích T nộp lại 5.050.000 (năm triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy có số khung: RLHJF24049Y082578, số máy: JF24E-0097135 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Lead, sơn màu Đỏ, dung tích 108) và 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cặp bao tay bằng vải màu xanh; 01 (một) biển số xe 50P3-4989 giả.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Lê Ngọc Bích T 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng, số Imei: 358800082607582.

(theo Giấy nộp tiền ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Ngọc Bích T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Lê Ngọc Bích T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Thị Thanh T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên